

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2026/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 03 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh
giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13, Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 68/2020/QH14, Luật số 30/2023/QH15, Luật số 51/2024/QH15 và Luật số 114/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Xét Tờ trình số 341/TTr-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ nguồn ngân sách tỉnh ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách Trung ương trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định (không bao gồm người thuộc hộ gia đình cận

nghèo đang cư trú trên địa bàn các xã nghèo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền).

b) Cựu thanh niên xung phong thuộc các đơn vị thanh niên xung phong tập trung theo quyết định của cấp có thẩm quyền tham gia khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng kinh tế giai đoạn sau năm 1975.

c) Người dân tộc thiểu số tại các xã được xác định không còn vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

Điều 2. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ và kinh phí thực hiện

1. Mức hỗ trợ:

a) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định (không bao gồm người thuộc hộ gia đình cận nghèo đang cư trú trên địa bàn các xã nghèo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền): Hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế (ngoài mức ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% theo quy định);

b) Cựu thanh niên xung phong thuộc các đơn vị thanh niên xung phong tập trung theo quyết định của cấp có thẩm quyền tham gia khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng kinh tế giai đoạn sau năm 1975: Hỗ trợ 70% mức đóng bảo hiểm y tế;

c) Người dân tộc thiểu số tại các xã được xác định không còn vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế (ngoài mức ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% theo quy định);

d) Người thuộc nhiều đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế thì được lựa chọn tham gia theo đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

2. Chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030. Riêng đối với đối tượng người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã được xác định không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn: thời gian hỗ trợ tối đa là 36 tháng kể từ thời điểm xã nơi đối tượng đang sinh sống không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

3. Kinh phí thực hiện: Do ngân sách tỉnh đảm bảo.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và hết hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03 tháng 02 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang